



# HẬU PHƯƠNG QUẢNG BÌNH VỚI CHIẾN TRƯỜNG TRỊ – THIÊN TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, GIAI ĐOẠN 1966 – 1972

**Mai Xuân Toàn**

Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh Quảng Bình

**Tóm tắt.** Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954–1975), Quảng Bình là hậu phương trực tiếp của chiến trường Trị – Thiên – Huế. Trong giai đoạn 1966–1972, với tinh thần “vì Trị – Thiên ruột thịt, không tiếc máu xương”, quân và dân Quảng Bình đã ra sức chi viện tiền tuyến như về vận chuyển tiếp tế lương thực và vũ khí, dân công phục vụ chiến trường, tăng cường lực lượng an ninh và vũ trang tham gia đánh địch, tiếp đón nhân dân hai tỉnh ra so tán... Sự chi viện nhiều mặt của Quảng Bình đã góp phần vào việc giải phóng Quảng Trị năm 1972.

**Từ khóa.** Quảng Bình, Trị – Thiên, hậu phương, chi viện

Nằm giữa đèo Ngang và đèo Hải Vân, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế có nhiều điểm tương đồng về điều kiện tự nhiên và lịch sử. Trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc cuối thế kỉ XIX, bắt đầu từ “*sự biến Kinh thành Huế*” (5–7–1885), phong trào Cần Vương được khởi phát từ Quảng Trị, nhưng triều đình yêu nước Hàm Nghi lại chọn Quảng Bình làm nơi đặt đại bản doanh. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945–1954), cả 3 tỉnh thuộc vùng sau lưng địch của Liên khu IV, đặt dưới sự chỉ đạo chung của Phân khu Bình Trị Thiên. Chiến tranh nhân dân của 3 địa phương đều phát triển mạnh, tạo nên một “*Bình Trị Thiên quật khởi*”, góp phần đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi.

Sau Hiệp định Genève (21–7–1954), vĩ tuyến 17 trở thành giới tuyến quân sự tạm thời, trên 6.000 cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Quảng Trị, Thừa Thiên Huế đã tập kết ra Vĩnh Linh và Quảng Bình, trong đó có trên 1.200 người ở Quảng Bình. Được sự giúp đỡ của chính quyền và nhân dân sở tại, những người tập kết nhanh chóng ổn định cuộc sống, hòa nhập với địa phương, tham gia xây dựng tuyến đầu miền Bắc vững mạnh, cũng là góp phần vào sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước. Trên cơ sở đó, trong phong trào kết nghĩa Bắc – Nam, năm 1959, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế tiến hành kết nghĩa Bình Trị Thiên. Tiêu biểu cho tình đoàn kết đó là Sư đoàn 325 đứng chân trên địa bàn Quảng Bình là đơn được hợp thành từ Trung đoàn 101 (Thừa Thiên Huế), Trung đoàn 95 (Quảng Trị) và Trung đoàn 18 (Quảng Bình). Về kinh tế, Nông trường Việt – Trung, ngọn cờ đầu của ngành nông trường miền Bắc, tiền thân

*Liên hệ:* toanmxqb@gmail.com

Nhận bài: 15–08–2016; Hoàn thành phản biện: 24–11–2016; Ngày nhận đăng: 30–03–2017

là Nông trường Phú Quý (do cán bộ Trị – Thiên tập kết thành lập) và Nông trường Sen Bàng (Sư đoàn 325 thành lập). Khi mở đường dây 559, Vĩnh Linh tiếp theo sau là Quảng Bình, là nơi xuất phát của những chuyến hàng đầu tiên đưa vào miền Tây Trị – Thiên, góp phần hỗ trợ cho phong trào đồng khởi ở miền núi hai tỉnh này giành thắng lợi (1960).

Tháng 6-1966, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng quyết định mở Mặt trận Đường 9 – Bắc Quảng Trị (B5). Theo cơ cấu tổ chức lúc đó, B5 là tiền phương của Quân khu IV. Quảng Bình và Vĩnh Linh trở thành hậu phương trực tiếp của B5. Sở chỉ huy ban đầu của Bộ Tư lệnh B5 đặt tại Cộn (Đồng Hới). Từ đây, “chia lửa” với đồng bào Trị – Thiên, Quảng Bình ra sức làm tròn nghĩa vụ của hậu phương với tiền tuyến.

## 1. Chi viện lực lượng an ninh

Những cuộc tiến công lớn của ta trên Mặt trận Đường 9 – Bắc Quảng Trị đã giải phóng một vùng rộng lớn thuộc 2 huyện Gio Linh và Cam Lộ. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh vùng mới giải phóng đặt ra những yêu cầu mà lực lượng tại chỗ chưa đáp ứng được, đòi hỏi sự chi viện từ hậu phương Vĩnh Linh và Quảng Bình. Đáp ứng yêu cầu đó, tháng 7-1967, Ban Chỉ huy Công an nhân dân vũ trang Quảng Bình tổ chức 3 phân đội an ninh vũ trang (D1, D2 và D3, gọi chung là D67) chi viện chiến trường Trị – Thiên. D67 có nhiệm vụ: “*Phục vụ việc hoàn thành nhiệm vụ của an ninh miền Nam. Vừa hoạt động, chiến đấu góp phần hoàn thành nhiệm vụ của an ninh miền Nam, vừa kết hợp nắm tình hình, xác minh các mối quan hệ giữa các phần tử xấu ở địa bàn trong Nam với Quảng Bình. Qua hoạt động thực tiễn, rút ra những kinh nghiệm để chủ động đối phó với mọi hành động liêu lĩnh của địch đưa quân đổ bộ ra Quảng Bình*” [1, Tr. 198]. Quân số của D67 có 21 người, chia đều cho 3 D.

Tại lễ xuất quân, Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh Cổ Kim Thành trao tặng D67 lá cờ thêu dòng chữ: “*Vì Trị – Thiên ruột thịt, không tiếc máu xương*”. Đầu tháng 10-1967, D67 vào đến chiến trường, tập trung hoạt động ở vùng Gio Hà và Trung Giang (Gio Linh). Chỉ trong một thời gian ngắn, chiến sĩ D67 đã đi sâu điều tra nghiên cứu phân loại các đối tượng gồm 32 chỉ điểm, 29 đảng viên Đại Việt, 379 binh lính Sài Gòn còn tại ngũ, 94 binh lính đã trở về nhà, 34 người còn làm việc cho chính quyền Sài Gòn, lập hồ sơ bắt 7 đối tượng phản cách mạng, cải tạo tại chỗ 100 đối tượng, xây dựng được 8 cơ sở, trong có cài 3 cơ sở vào lòng địch [2]. Với kết quả đó, D67 được Tỉnh ủy Quảng Trị biểu dương: “*Toàn đội Gio Hà và riêng các đồng chí Quảng Bình mới vào chân ướt chân ráo, mặc dù địch bao vây bốn phía, vây ráp thường xuyên nhưng các đồng chí đã có quyết tâm, tinh thần dũng cảm, mưu trí bám địa bàn nên đã thu được nhiều kết quả to lớn, có những kinh nghiệm quý giá đã giúp cho chỉ đạo, cũng như các đội khác vào học tập*” [4, Tr. 300-301].

Đến đầu năm 1970, Bộ Tư lệnh Công an nhân dân vũ trang chỉ thị Công an Quảng Bình chi viện cho an ninh Trị – Thiên. Chấp hành mệnh lệnh, Ban Chỉ huy Công an Quảng Bình đã biên chế 2 phân đội, gồm 61 người. Cuối tháng 4-1970, đơn vị hành quân vào chiến trường. Khi

qua đường 10, đội hình hành quân bị máy bay Mỹ đánh phá, một số chiến sĩ bị thương và hi sinh.

Khi cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đang diễn ra, nhiều vùng rộng lớn ở Quảng Trị được giải phóng, yêu cầu về bảo đảm an ninh càng cấp bách. Đầu tháng 4-1972, thực hiện chỉ đạo của Bộ Tư lệnh, Công an Quảng Bình tiếp tục tổ chức Phân đội 180, gồm 30 người, vào chi viện. Cùng với lực lượng an ninh Quảng Trị, chiến sĩ Phân đội 180 được phân công xuống cơ sở nắm tình hình, phát hiện những biến động trong nội bộ địch ở cơ sở, dẫn đường cho bộ đội chủ lực tiến công giải phóng thị xã Quảng Trị (1-5-1972). Tiếp theo, phân đội tiến sâu vào Hải Lăng, phối hợp cùng bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương truy quét tàn quân Sài Gòn, vận động nhân dân bảo vệ vùng giải phóng.

## 2. Công tác vận chuyển chi viện chiến trường

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968, để kịp thời chi viện vũ khí cho các lực lượng đang tham chiến trên mặt trận phía đông Quảng Trị, việc tiếp tế bằng con đường biển được đặt ra (bởi đây là con đường ngắn nhất nối Quảng Bình với mặt trận trong bối cảnh hệ thống đường bộ vào Vĩnh Linh đã bị bom đạn Mỹ phá hủy). Xã Cảnh Dương (Quảng Trạch) được giao nhiệm vụ này. Ban Thường vụ Đảng ủy xã chọn Hợp tác xã Ngư nghiệp để thực hiện. Hơn 100 xã viên, tuổi từ 16 đến 60, xung phong lên đường. 72 người được lựa chọn. Hội Phụ nữ huy động chị em góp vải may buồm. Thợ mộc được huy động chế tạo thuyền theo kiểu thuyền đánh cá của Quảng Trị. Sau khi tập huấn, làm công tác tư tưởng, đoàn vận tải được chia thành 12 thuyền, trọng tải mỗi thuyền từ 2 đến 3 tấn, có trang bị súng B.40, B.41, AK.

Ngày 26-2-1968, đoàn vào Quang Phú (Lộc Ninh, Quảng Ninh) nhận vũ khí. Do thời tiết gió mùa đông bắc mạnh và một số người tuổi cao nên đêm 1-3-1968 chỉ có 10 thuyền lên đường vào Mũi Si (Vĩnh Thạch – Vĩnh Linh). Dù đã nguy trang kĩ nhưng đoàn thuyền vẫn bị máy bay Mỹ phát hiện, kết hợp với tàu chiến chúng đánh chìm 1 chiếc và làm hỏng 1 chiếc. Đêm 2-3-1968, đoàn thuyền tiếp tục lên đường. Vừa vượt qua vĩ tuyến 17 đến Cát Sơn (nam Cửa Tùng), đoàn bị máy bay Mỹ phát hiện và bao vây. 3 thuyền chạy dạt vào bờ, 1 thuyền bị bắt, 4 thuyền vượt qua được vòng vây đưa hàng đến nơi quy định. Chuyển đi này dù có những tổn thất lớn nhưng đã kịp thời tiếp tế vũ khí cho các lực lượng tham chiến trên chiến trường đông Quảng Trị thực hiện nhiệm vụ chặn đứt tuyến vận chuyển Cửa Việt – Đông Hà chi viện tập đoàn cứ điểm Khe Sanh của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Cùng với con đường biển, để rút ngắn cung vận chuyển hàng chi viện từ Quảng Bình vào Trị – Thiên, Quân ủy Trung ương quyết định khôi phục lại và nâng cấp đường 16. Tỉnh ủy Quảng Bình thành lập Công trường Thống Nhất A, điều Tiểu đoàn 45 và đại đội 363, 365 bộ đội địa phương, đội thanh niên xung phong Quyết Thắng (Quảng Bình), đội xung phong Cù Chính Lan (Nghệ An) và 180 công nhân Công trường 12A thi công. Đường 16, đoạn từ Vít Thù Lù đến

Làng Ho vào Dốc Khi dài 44 km, được mở rộng, sử dụng cho xe cơ giới. Từ Dốc Khi, ta mở 40 km đường gùi thồ vươn đến bắc sông Sê Băng Hiêng. Tiếp theo, tinh huy động Tiểu đoàn 70 hỏa tuyến tham gia mở tuyến Thống Nhất B ở nam Sê Băng Hiêng, nối liền hậu phương Quảng Bình với tiền tuyến Trị – Thiên. Con đường này đã góp phần to lớn trong việc chuyển quân thực hiện chiến dịch giải phóng Khe Sanh năm 1968.

Nắm bắt thời cơ khi Mỹ ngừng bắn phá miền Bắc (11-1968), Trung ương chủ trương mở một chiến dịch vận tải lớn, nhằm đáp ứng yêu cầu chi viện vật lực cho tiền tuyến, nhất là đối với chiến trường Trị – Thiên. Theo chỉ đạo của Trung ương, chiến dịch vận tải đặc biệt mang mật danh VT5 (vận tải tranh thủ tụt thang) được tiến hành trong 3 tháng, mục tiêu đặt ra là phải vận chuyển một khối lượng hàng hóa lớn bằng một năm trước đây. Để triển khai chiến dịch, Phó Thủ tướng Đỗ Mười – Trưởng ban điều hòa vận tải Trung ương – đã chỉ thị cho tỉnh Quảng Bình: *“Kế hoạch VT5 sẽ đưa vào Quảng Bình 12 vạn tấn hàng để chuyển tiếp vào các chiến trường, phải làm cho tốt...”* [8, Tr. 122].

Để thực hiện kế hoạch VT5, Tỉnh ủy Quảng Bình bổ sung thành viên Ban đảm bảo giao thông vận tải, đồng thời thành lập 2 trạm tiếp nhận hàng hóa: Trạm Bắc tiếp nhận hàng vận chuyển vào bắc sông Gianh, cảng Gianh và trạm Nam tiếp nhận hàng vận chuyển vào Nhật Lệ, Đồng Hới. Từ đây, hàng được chuyển tiếp vào đường 16, 20 và Vĩnh Linh để từ đó đưa vào chiến trường. Khu vực tiếp nhận hàng được phân công cụ thể: phía Đông do lực lượng của tỉnh Quảng Bình đảm nhiệm, phía Tây thuộc trách nhiệm của các Binh trạm 12, 14, 16 thuộc Đoàn 559.

Ngày 1-11-1968, chiến dịch VT5 bắt đầu. Hàng vạn cán bộ, công nhân viên chức, học sinh của các cơ quan, xí nghiệp, trường học và nhân dân trong tỉnh đã tổ chức thành các đội chuyên trách bốc vác, chuyển tải, sửa chữa và làm mới, mở rộng kho tàng, bến bãi. Cùng với quân và dân Quảng Bình, các lực lượng của Tổng cục Hậu cần, Đoàn 559 và Quân khu IV đều đồng loạt ra quân. Tất cả hòa chung khí thế sôi động của một chiến dịch lớn. Trong 3 tháng thực hiện chiến dịch VT5, cả tỉnh Quảng Bình như một cỗ máy lớn vận hành hết công suất suốt ngày đêm, bất chấp thời tiết. Kết thúc chiến dịch, toàn tỉnh đã huy động được 6 vạn ngày công, hầu hết các loại phương tiện vận tải, tiếp nhận và chuyển giao được 13,2 vạn tấn hàng hóa, vượt chỉ tiêu so với Trung ương giao hơn một vạn tấn [7, Tr. 144].

Từ giữa năm 1970, Quân ủy Trung ương đã dự kiến khả năng Mỹ và Việt Nam cộng hòa sẽ dùng bộ binh để ngăn chặn tuyến vận tải chiến lược Trường Sơn, nhất là sau khi tuyến chi viện qua cảng Shihanukvil bị khóa bởi cuộc đảo chính của Lon-Non (18-3-1970) nên đã có những chỉ đạo cụ thể cho Bộ Tư lệnh 559 sẵn sàng kế hoạch đối phó nếu địch liều lĩnh theo đường 9 đánh qua Lào [3, Tr. 403]. Ngày 10-10-1970, Binh đoàn 70 được thành lập có nhiệm vụ đánh địch trên đường 9 và sẵn sàng cùng các lực lượng tại chỗ bảo vệ phía nam Quân khu IV nếu địch tấn công ra. Sở Chỉ huy binh đoàn đóng tại Lệ Thủy, Quảng Bình. Đến cuối năm 1970,

cùng với việc đổi tên Bộ Tư lệnh 559 thành Bộ Tư lệnh Trường Sơn, công tác tổ chức, phối trí lực lượng trên mặt trận Đường 9 – Trung, Hạ Lào cơ bản hoàn thành. Trên địa bàn là nơi tập kết và xuất phát của Binh đoàn 70, các lực lượng công binh cùng quân dân địa phương khẩn trương sửa chữa đường sá, cầu cống nhằm tạo điều kiện tốt nhất để chuyển quân ra chiến trường. Đến đầu tháng 2-1971, trên 200 xe vận tải cùng 8 vạn tấn hàng hóa tập kết đúng nơi quy định.

Ngày 31-1-1971, Mỹ và chính quyền Sài Gòn mở cuộc hành quân Lam Sơn 719 đánh ra đường 9 – Nam Lào. Cùng với toàn mặt trận, ngoài hàng vạn nhân công phục vụ ở hậu phương, gần 7.000 bộ đội, thanh niên xung phong và dân công hỏa tuyến Quảng Bình đã tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu, lập nhiều thành tích, góp vào thắng lợi chung của Chiến dịch phản công đường 9 – Nam Lào. Tiêu biểu như Đại đội 3 gửi thư cho các cấp hứa phát huy truyền thống quê hương “Hai giới” quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phục vụ chiến đấu. Đại đội Đồng Hới phấn đấu nâng mức vận chuyển từ 20 kg lên 40 kg/người/chuyến, hoàn thành vượt chỉ tiêu 85 %. Đơn vị được tặng thưởng 3 Huân chương chiến công, 12 cá nhân được tặng danh hiệu “Dũng sĩ diệt Mỹ”. Hoặc như đơn vị Quảng Trạch được tặng 19 Huân chương chiến công, 16 “Dũng sĩ diệt Mỹ”, ... [9, Tr. 253].

Từ cuối năm 1971, chuẩn bị cho cuộc tiến công chiến lược năm 1972, Quảng Bình lại trở thành nơi tập kết các lực lượng qui mô lớn. Cả tỉnh như một công trường sôi động vận chuyển hàng hóa, bộ đội dồn về phía Nam. Trên các tuyến đường, nhân dân tận tình chăm sóc, tạo điều kiện tốt nhất cho bộ đội như nấu nước uống, ủng hộ thực phẩm, nhường nhà mỗi khi có đơn vị dừng chân nghỉ lại trên địa bàn. Tham gia phục vụ chiến dịch, Quảng Bình huy động được 1.086 dân công hỏa tuyến. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh lập đội vận tải ô tô gồm 19 chiếc chở 9 vạn quả đạn pháo các loại vào mặt trận. Tiếp theo, trong diễn biến của cuộc chiến giành và giữ Quảng Trị, hơn 4.000 dân công Quảng Bình luôn theo sát các mũi tiến công, phục vụ bộ đội chiến đấu.

### 3. Tham gia đánh địch trên chiến trường Trị – Thiên

Để thực hiện tốt hơn nghĩa vụ hậu phương và tăng cường khả năng chiến đấu cho các đơn vị địa phương, Quảng Bình thành lập đoàn Nhật Lệ đưa vào chiến đấu ở chiến trường Trị – Thiên. Đoàn có 510 người, biên chế thành 2 đại đội bộ binh, 2 đại đội 12,7 ly. Phối hợp các lực lượng bạn, đơn vị thực hiện nhiều trận đánh trên chiến trường Trị – Thiên, như đêm 30 Tết Kì Dậu (1969), đại đội hỏa lực 12,7 ly chặn đánh làm thất bại 1 tiểu đoàn Mỹ nổng lên Động Tranh.

Tiếp theo, Tỉnh ủy Quảng Bình chủ trương đưa cơ quan chỉ huy quân sự và các đơn vị bộ đội luân phiên vào chiến trường. Sở chỉ huy tiền phương, gồm cán bộ các cơ quan tham mưu, chính trị và hậu cần, do Tỉnh đội trưởng Trần Sự chỉ huy. Tháng 4-1969, Sở chỉ huy tiền phương vào đóng ở Bãi Hà (Vĩnh Linh), Tiểu đoàn 45 (có Đại đội 362 – Quảng Ninh phối

thuộc), Tiểu đoàn 46 (có Đại đội 361 – Lê Thủy phối thuộc) và các phân đội trinh sát, đặc công lần lượt vào Mặt trận đường 9.

Lúc này, tại Quảng Trị, thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, Bộ chỉ huy quân đội Mỹ tại vùng I chiến thuật chủ trương dùng Sư đoàn 3 lính thủy đánh bộ phản kích nhằm đẩy lùi các lực lượng ta ra xa rồi đưa Sư đoàn 1 và Sư đoàn 3 quân đội Sài Gòn dần thay thế ở các vị trí trên tuyến phòng thủ ở “địa đầu giới tuyến”. Thực hiện phương châm “châm ngòi diệt nguy, kéo Mỹ ra mà đánh”, Sở chỉ huy tiền phương đã bám sát trận địa, chỉ đạo các đơn vị chủ động tiến công. Hoạt động trong “tứ giác lửa” Cồn Tiên – Fuller – Dốc Miếu – Quán Ngang, Tiểu đoàn 45 và đại đội đặc công phân tán lực lượng, tổ chức nhiều trận phục kích đánh địch nống ra đóng chốt để kéo quân Mỹ ra tiêu diệt. Chỉ trong 45 ngày, Đại đội 1/Tiểu đoàn 45 đánh 12 trận, trong đó tiêu biểu như tại Đồi 28, trong một ngày 27 chiến sĩ kiên cường bám chốt, đẩy lùi cuộc tiến công của 1 tiểu đoàn Mỹ. Hoặc từ 17-4 đến 2-5-1969, Tiểu đoàn 46 đánh liên tiếp 6 trận, tiêu diệt nhiều địch, bắn rơi 1 máy bay, phá hủy 4 súng cối.

Các đại đội 361, 362 lần đầu ra trận đụng đầu quân Mỹ nhưng có quyết tâm chiến đấu cao. Đầu tháng 6-1969, Đại đội 362 vừa vượt sông Hiền Lương vào đông Gio Linh thì bị đối phương phát hiện. Chúng dùng 1 tiểu đoàn bộ binh, có xe tăng và pháo yểm trợ, bao vây hòng tiêu diệt. Đại đội trưởng Nguyễn Ngọc Ngõ và Chính trị viên Hà Duy Chứng nhanh chóng tổ chức 2 mũi nghi binh hút địch ra hai bên rồi tập trung binh lực quyết tâm bẻ gãy mũi tấn công chính diện. Sau hơn 1 giờ dùng phi pháo dọn đường, xe tăng địch dẫn bộ binh tiến vào trận địa. Địch địch đến sát gần, ta mới nổ súng, bắn cháy tại chỗ 2 xe tăng, đánh bật chúng ra khỏi trận địa. Lợi dụng khi địch rút lui gọi pháo chi viện, đơn vị rút lui, bảo toàn lực lượng. Sau đó, Đại đội 362 được điều lên khu Tây chi viện, đêm 27-7-1969, nhận nhiệm vụ tấn công cao điểm 161, đơn vị do đồng chí Lê Văn Muôn chỉ huy bất ngờ gặp một đại đội lính Sài Gòn nống ra. Trận tao ngộ chiến diễn ra, đến gần sáng, ta làm chủ trận địa.

Cuối năm 1969, Tiểu đoàn 49 Quảng Bình vừa thành lập được đưa vào B5 tham chiến. Vừa vào chiến trường, đơn vị được giao nhiệm vụ đánh chặn địch phản kích chiếm lại cao điểm 161. Tiểu đoàn bố trí phục kích trên đường từ Cồn Tiên đi 161, chặn đánh gây thiệt hại nặng cho 1 tiểu đoàn Mỹ. Trong trận này, Đại đội 3/Tiểu đoàn 49 là đơn vị đầu tiên của Quảng Bình đạt danh hiệu “đơn vị tiêu diệt gọn đại đội Mỹ”.

Khi cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đang diễn ra, hưởng ứng lời kêu gọi chi viện của Bộ Tư lệnh chiến dịch, cùng với việc hoàn thành tuyển quân bổ sung cho mặt trận 1.353 tân binh (vượt chỉ tiêu 4,2 %), tỉnh đã thành lập đơn vị vũ trang đặt tên là “Đoàn Quảng Bình”, gồm 3 đại đội chủ công của các tiểu đoàn 45, 46, 49 cùng các đại đội bộ đội địa phương Lê Thủy, Bồ Trạch, Quảng Ninh đưa vào chiến trường Trị – Thiên. Tại đây, chiến đấu dưới chỉ huy của mặt trận B4 và B5, các đơn vị Quảng Bình đã dũng cảm chiến đấu, lập nên những chiến công xuất sắc. Tiêu biểu như các đại đội bộ đội địa phương Lê Thủy, Bồ Trạch, Quảng Ninh được điều

vào tăng cường cho mặt trận Huế, sát cánh cùng với các lực lượng địa phương tiến công tuyến phòng thủ của Sư đoàn 1 Sài Gòn trên đường 12 nối Huế với A Lưới, góp phần đánh bại Trung đoàn 3 và Trung đoàn 54, giải phóng khu vực Động Tranh (tây Thừa Thiên) [5, Tr. 272–278]. Hoạch gương chiến đấu của Tiểu đội trưởng Nguyễn Văn Huệ (Lệ Thủy) tại Phú Đa (Phú Vang, Thừa Thiên Huế). Trong trận chiến đấu chặn địch phản kích, đồng chí đã chiến đấu dũng cảm, tiêu diệt 1 xe tăng và nhiều tên giặc [9, Tr. 279–280].

#### 4. Làm nghĩa vụ của hậu phương

Sau Tết Mậu Thân, trên chiến trường Trị – Thiên, quân Mỹ và Việt Nam cộng hòa phản kích quyết liệt, đẩy lực lượng cách mạng ra khỏi vùng đồng bằng. Ở miền tây, máy bay Mỹ tăng cường đánh phá và rải chất độc hủy diệt rừng và nhiều nương rẫy. Cộng thêm vào đó, mức độ đánh phá hậu phương, ngăn chặn giao thông ở vùng “*cán soong*” tăng lên khiến lượng chi viện vào chiến trường bị sụt giảm. Cán bộ, bộ đội và nhân dân hai tỉnh đứng trước nguy cơ thiếu đói nghiêm trọng. Mức ăn của bộ đội giảm dần từ 5 lạng gạo/ngày vào tháng 5 xuống còn 2 lạng vào tháng 7–1968. Một số nơi ở miền tây hai tỉnh, nhân dân bị chết đói [6]. Trước tình hình đó, Quân khu Trị – Thiên yêu cầu Quảng Bình chi viện khẩn cấp. Mặc dù vào thời điểm giáp hạt, tình hình lương thực trên địa bàn cũng đang rất khó khăn, nhưng với tinh thần: “*Miền Nam gọi, miền Bắc trả lời*”, “*Vì Trị – Thiên không tiếc máu xương*”, Tỉnh ủy Quảng Bình bàn biện pháp vay gạo của nhân dân. Về biện pháp thực hiện, các cấp, các ngành và nhân dân ăn bữa cháo, bữa cơm để góp gạo. Sau 2 tháng phát động “*trút gạo trong nồi cho Trị – Thiên đánh Mỹ*”, toàn tỉnh đã huy động được 2.600 tấn gạo gửi ra chiến trường qua con đường Thống Nhất.

Cùng thời gian này, do những diễn biến phức tạp trên chiến trường, nhiều đơn vị bộ đội, cán bộ và nhân dân Trị – Thiên “*tập kết*” lần 2 ra Quảng Bình (sau lần năm 1954). Tỉnh thành lập Ban B để đón tiếp. Ban đã mở lớp bồi dưỡng chính trị cho 500 cán bộ, thành lập khu an dưỡng, đón tiếp gần 1.000 cán bộ, bộ đội và du kích của hai tỉnh chữa bệnh, an dưỡng, góp phần xây dựng Đoàn văn công giải phóng phục vụ mặt trận Trị – Thiên. Sau khi Quảng Trị giải phóng (1–5–1972), Quảng Bình đưa 616 cán bộ của các cơ quan Dân Chính Đảng và 169 cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân vũ trang vào giúp tiếp quản.

Không chỉ chi viện cho chiến trường, Quảng Bình còn làm tốt nhiệm vụ hậu phương, là nơi tiếp nhận, đảm bảo đưa đón an toàn hàng ngàn đồng bào Trị – Thiên ra sơ tán. Từ tháng 8–1967, thực hiện kế hoạch K8, K10, Quảng Bình đã góp phần đưa hơn 3 vạn đồng bào Vĩnh Linh sơ tán ra các tỉnh phía Bắc, trong đó có 2.336 người dân Gio Linh chạy ra tháng 5–1967.

Đón đầu thời cơ cuộc tiến công chiến lược năm 1972, Trung ương chỉ thị cho Quảng Bình chuẩn bị nhân lực cho bộ máy 2 tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, đồng thời sẵn sàng đón nhận đồng bào vùng mới giải phóng Quảng Trị ra sơ tán. Trong tháng 4–1972, các địa phương

thuộc huyện Lệ Thủy hoàn thành đón tiếp, sắp xếp nơi ăn chốn ở cho 3.654 đồng bào Quảng Trị ra sơ tán.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhất là trong giai đoạn 1966–1972, với tinh thần “*vì Trị – Thiên không tiếc máu xương*”, nhân dân Quảng Bình đã nỗ lực vượt bậc để hoàn thành tốt nghĩa vụ hậu phương của mình đối với chiến trường. Trong tình hình phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của đế quốc Mỹ, xuất phát từ vị trí tiếp giáp Trị – Thiên, Quảng Bình không chỉ đưa các lực lượng vũ trang vào hỗ trợ chiến đấu, cung cấp lương thực, thực phẩm mà còn làm nhiệm vụ vận chuyển hàng hóa, chi viện lực lượng an ninh và dân công hỏa tuyến phục vụ chiến trường. Trong từng thời điểm, Quảng Bình còn là hậu cứ an toàn cho các lực lượng ở Trị – Thiên rút ra tập kết. Sự chi viện nhiều mặt đó của Quảng Bình đối với chiến trường Trị – Thiên đã góp phần quan trọng đưa phong trào kháng chiến ở hai tỉnh này phát triển, đi đến giải phóng tỉnh Quảng Trị (5–1972).

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Quảng Bình (1998), Lịch sử Bộ đội biên phòng Quảng Bình, Tập 1, 1959–1995, Quảng Bình.
2. Công an nhân dân vũ trang Quảng Bình, Báo cáo số 131/TN, ngày 22–11–1967, Phòng Lưu trữ Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng.
3. Phan Hữu Đại – Nguyễn Quốc Dũng (đồng chủ biên) (1999), Lịch sử Đoàn 559 Bộ đội Trường Sơn đường Hồ Chí Minh, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
4. Đảng ủy – Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Bình Trị Thiên (1989), Lịch sử Bộ đội biên phòng Bình Trị Thiên 1959–1989, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
5. Đảng ủy – Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế (1999), Thừa Thiên Huế kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954–1975), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng ủy miền núi Trị – Thiên, Tình hình miền núi Trị – Thiên qua 4 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ (8–1967 – 8–1971), Báo cáo tổng kết Hội nghị mở rộng tháng 8–1971, Phòng Lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Trị.
7. Lại Văn Ly (1993), Tuyển lựa những năm tháng sôi động, Sở Giao thông Vận tải Quảng Bình xuất bản.
8. Hùng Sơn – Lê Khai (chủ biên) (1992), Đường Hồ Chí Minh qua Bình Trị Thiên, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
9. Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Bình (1994), Lịch sử Quảng Bình kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954–1975, Quảng Bình.
10. Tỉnh ủy Quảng Bình, Báo cáo tình hình tháng 4–1972, Số 33–TU, Chi cục Lưu trữ tỉnh Quảng Bình.



## **QUANG BINH REAR LAND WITH TRI – THIEN BATTLEFIELD IN THE WAR AGAINST USA (FROM 1966 TO 1972)**

**Mai Xuan Toan**

Quang Binh Provincial Committee for Emulation and Reward

**Abstract.** During the war against the USA (1954–1975), Quang Binh was the direct rear land of Tri–Thien–Hue battlefield. From 1966 to 1972, with the spirit of sacrifice for Tri–Thien, Quang Binh supplied the front line with food, weapons, and irregular human forces, strengthened the security and army forces, admitted evacuated citizen from the two provinces, etc. The multi-faceted assistance of Quang Binh contributed to the liberation of Quang Tri in 1972.

**Keywords.** Quang Binh, Tri–Thien, rear land, assistance